TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 17-5-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Nguyễn Văn Thản

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Dương Thị V (V1), sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà yêu cầu chị V và anh T trả lại số tiền 818.000.000 đồng, trong đó tiền hụi 803.000.000 đồng và tiền vay là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Do quen biết hàng xóm với nhau, chị V buôn bán tạp hóa còn bà nấu rượu sang cho chị V bán. Chị V có nhờ bà tham gia dùm các dây hụi như sau:

1. Dây hụi tháng 2.000.000 đồng do chị Lý Hồng Phượng làm chủ, mở ngày 15/8/2017 mãn ngày 15/4/2019, gồm 21 phần, chị V tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên V1. Chị V lĩnh hụi lần thứ nhất và lần thứ hai, sau đó chị V góp hụi đến

tháng 7/2018 thì bỏ đi không góp nữa. Hiện còn nợ lại 09 lần góp hụi với số tiền 36.000.000 đồng. Bà đã đóng choàng cho chị V 06 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

2. Dây hụi tháng 2.000.000 đồng do chị Lý Hồng Phượng làm chủ, mở ngày 15/12/2017 âm lịch mãn ngày 15/8/2019 âm lịch, gồm 21 phần, chị V tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên V1. Chị V lĩnh hụi lần thứ nhất và lần thứ hai, sau đó chị V góp hụi đến tháng 7/2018 thì bỏ đi không góp nữa. Hiện còn nợ lại 13 lần góp hụi với số tiền 52.000.000 đồng. Bà đã đóng choàng cho chị V 06 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

3. Dây hụi tháng 6.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim Chi làm chủ, mở ngày 09/01/2018 âm lịch mãn ngày 09/12/2018, gồm 12 phần, chị V tham gia 01 phần, trong giấy hụi ghi tên V1. Chị V lĩnh hụi lần thứ sáu. Thực tế dây hụi này bà trực tiếp góp từ khi mở hụi đến khi mãn hụi. Nên dây hụi này chị V nợ 12 lần góp hụi với số tiền 72.000.000 đồng.

4. Dây hụi tuần 200.000 đồng do chị Lý Hồng Phượng làm chủ, mở ngày 21/7/2018 âm lịch, gồm 34 phần, chị V tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên V1. Chị V đã lĩnh hụi xong và còn nợ lại 30 lần góp hụi với số tiền 12.000.000 đồng. Bà đã góp hụi choàng cho chị V 25 lần với số tiền 10.000.000 đồng.

5. Dây hụi tuần 200.000 đồng do chị Lý Hồng Phượng làm chủ, mở ngày 21/7/2018 âm lịch, gồm 34 phần, chị V tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên V1. Chị V đã lĩnh hụi xong và còn nợ lại 30 lần góp hụi với số tiền 12.000.000 đồng. Bà đã góp hụi choàng cho chị V 25 lần với số tiền 10.000.000 đồng.

6. Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do chị Trần Thị Hoàng Nga làm chủ, mở ngày 25/10/2017 âm lịch, mãn ngày 25/6/2019 âm lịch, gồm 21 phần, chị V tham gia 01 phần, trong giấy hụi bà đứng tên "Cô 3 H" sau đó bà tự ghi thêm tên V1 vào. Chị V lĩnh hụi lần thứ nhất và còn nợ lại 12 lần góp hụi với số tiền 60.000.000 đồng. Bà đã góp hụi choàng cho chị V 07 lần với số tiền 35.000.000 đồng.

7. Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do chị Trần Thị Hoàng Nga làm chủ, mở ngày 25/10/2017 âm lịch, mãn ngày 25/6/2019 âm lịch, gồm 21 phần, chị V tham gia 01 phần, trong giấy hụi bà đứng tên "Cô 3 H" sau đó bà tự ghi thêm tên V1 vào. Chị V lĩnh hụi lần thứ nhất và hiện còn nợ lại 12 lần góp hụi với số tiền 60.000.000 đồng. Bà đã góp hụi choàng cho chị V 07 lần với số tiền 35.000.000 đồng.

8. Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do chị Lý Hồng Phượng làm chủ, mở ngày 01/4/2018 âm lịch, gồm 24 phần. Dây hụi này bà trực tiếp tham gia và bà góp hụi được 04 lần thì V năn nỉ sang lại phần hụi bà đồng ý, đến lần thứ 5 chị V lĩnh hụi và đã trả lại cho bà số tiền bà mà đã góp hụi trước đó. Hiện chị V còn nợ lại 19 lần góp hụi với số tiền 95.000.000 đồng. Bà đã góp hụi choàng cho chị V 6 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

9. Dây hụi ngày 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim Chi làm chủ, mở ngày 16/6/2018, gồm 90 phần, chị V tham gia 20 phần, trong sổ hụi bà đứng tên "Cô 3 H", sổ hụi cho chủ hụi giữ. Chị V góp được 60 lần, hiện còn nợ lại 30 lần góp hụi với số tiền 60.000.000 đồng.

10. Dây hụi ngày 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim Chi làm chủ, mở ngày 14/8/2018, gồm 90 phần, chị V tham gia 10 phần, trong sổ hụi bà đứng tên

"Cô 3 H", sổ hụi cho chủ hụi giữ. Chị V góp được 43 lần, hiện còn nợ lại 47 lần góp hụi với số tiền 47.000.000 đồng.

11. Dây hụi ngày 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim Chi làm chủ, mở ngày 11/8/2018, gồm 90 phần, chị V tham gia 25 phần, trong sổ hụi bà đứng tên "Cô 3 H", sổ hụi cho chủ hụi giữ. Chị V góp được 36 lần, hiện còn nợ lại 54 lần góp hụi với số tiền 135.000.000 đồng.

12. Dây hụi ngày 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim Chi làm chủ, mở ngày 19/9/2018, gồm 90 phần, chị V tham gia 20 phần, trong sổ hụi bà đứng tên "Cô 3 H", sổ hụi cho chủ hụi giữ. Chị V góp được 07 lần, hiện còn nợ lại 83 lần góp hụi với số tiền 166.000.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 25/9/2018 bà còn mượn dùm cho chị V số tiền 10.000.000 đồng; ngày 27/9/2018 chị V mượn 5.000.000 đồng và ngày 28/9/2018 chị V gọi điện thoại mượn thêm 10.000.000 đồng lần này bà đã đem tiền đến đưa trực tiếp cho mẹ chồng chị V.

Ngày 28/9/2018 sau khi mượn tiền chị V bỏ nhà đi đến nay không về. Sau đó bà vẫn liên lạc được và chị V có hứa trả tiền cho bà nhưng vẫn không trả, bà có đến nhà đòi nhưng chỉ gặp anh T. Kể từ khi biết bà nộp đơn khởi kiện đến nay bà không liên lạc với chị V được nữa.

Ngày 27/3/2019 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.250.000 đồng do bà tính toán sai khi khởi kiện và anh T cũng đã trả cho bà được 10.000.000 đồng.

Bị đơn chị Dương Thị V trình bày: Chị V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh T trình bày: Anh thừa nhận vợ anh là chị V có vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng, sau đó anh đã trả được 10.000.000 đồng. Do đó anh chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 5.000.000 đồng. Riêng số tiền còn lại anh không có nợ bà H nên không đồng ý trả.

1. Đối với phần tiền hụi: Giữa chị V và bà H có mối quan hệ qua lại tiền hụi gì với nhau hay không anh hoàn toàn không biết. Do đó anh không đồng ý trả. Anh cho rằng nếu chị V nợ số tiền lớn như vậy tại sao bà H không thông báo cho anh biết, mặc dù hàng ngày bà H đến nhà sang rượu cho chị V bán và đều gặp mặt anh. Trường hợp bà H có giấy nợ do vợ anh ký tên xác nhận nợ rỏ ràng cụ thể thì anh đồng ý trả.

2. Đối với tiền mượn: Anh thừa nhận trước đây chị V có mượn bà H vào khoảng 02 ngày 17-18/8/2018 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng, khoảng 01 ngày sau bà H cho vợ anh mượn thêm 5.000.000 đồng. Khi mượn tiền xong vợ anh bỏ nhà đi đến nay. Ngày 26/10/2018 âm lịch anh đã trả cho bà H 10.000.000 đồng có làm giấy tay, do đó chỉ còn nợ lại 5.000.000 đồng.

Do vợ anh thiếu nợ nhiều người không trả và đã lừa dối gia đình lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp nên đã bỏ nhà đi cách đây khoảng gần 04 tháng, trước khi vợ anh bỏ đi anh cũng đã bán đất để trả nợ mà không hết. Từ khi vợ bỏ đi vợ chồng cũng thường xuyên liên lạc với nhau chỉ có thời gian gần đây là anh gọi chị V không nghe. Trước đây khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án anh cũng

có trao đổi việc nợ tiền của bà H thì chị V cho rằng có mượn tiền của bà H nhưng không nói nợ bao nhiêu. Anh thấy số tiền nợ mà bà H yêu cầu có lúc thì số tiền 838.250.000 đồng, có lúc thì 328.000.000 đồng, tại buổi hòa giải thì bà khai số tiền khác. Do đó anh yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng chị V không thực đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Đối với tiền hụi: Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó yêu cầu của bà H là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Đối với tiền vay: Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên anh T thừa nhận có nợ 5.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh T và chị V có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng. Riêng tiền lãi suất bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 20.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Dương Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng bảo lãnh. Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu chị V và anh T trả lại số tiền 818.000.000 đồng, trong đó tiền hụi 803.000.000 đồng và tiền vay là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngược lại anh T chỉ đồng ý trả số tiền vay 5.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà H thì thấy:

[4] Đối với phần tiền hụi: Khi nộp đơn khởi kiện bà H giao nộp sổ hụi phô tô, trên tất cả sổ hụi đều có tên chị V (V1) tham gia góp hụi, riêng sổ hụi ghi các dây hụi ngày do bà H tự viết. Nhưng qua kết quả xác minh thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện, các chủ hụi không quen biết chị V cũng không cho chị V tham gia góp hụi mà chính bà H là người trực tiếp tham gia góp hụi, lĩnh hụi, góp các phần hụi đã lĩnh và các chủ hụi đã cung cấp đầy đủ sổ hụi của các dây hụi mà bà H tham gia. Hơn nữa ngày 22/3/2019 bà H giao nộp sổ hụi bản gốc, trên tất cả sổ hụi có tên H đều được sửa lại tên V1 hoặc ghi thêm tên V1 vào mục có tên H. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2019 bà H thừa nhận tất cả những dây hụi bà là người trực tiếp tham gia góp hụi, lĩnh hụi, góp các phần hụi đã lĩnh không phải chị V và tất cả sổ hụi phô tô mà bà cung cấp là do bà nhờ con bà viết lại bằng tay từ sổ hụi gốc mà

các chủ hụi đưa cho bà, khi viết ra thay tên bà bằng tên V1 và viết thêm tên V1 vào ngay mục có tên bà.

Ngày 22/3/2019 Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng ngoài những sổ hụi nêu trên bà không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh chị V có nợ tiền hụi của bà 803.000.000 đồng. Riêng trên sổ hụi tháng ngày 01/4/2018 âm lịch bà H cho rằng chị V có ký tên, nhưng chỉ có chữ ký không thể hiện rỏ họ và tên và cũng không có nội dung nào chị V thừa nhận có lĩnh hụi.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp Điều 166 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với phần tiền vay: Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc chị V và anh T có vay của bà số tiền 15.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh T thừa nhận còn nợ bà H 5.000.000 đồng. Xét thấy lời thừa nhận của anh T là tự nguyện, là căn cứ để giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, cần buộc anh T và chị V có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay là 5.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà H không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết.

[6] Ngày 27/3/2019 bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.250.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện là phù hợp do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H theo quy định tại Điều 217, 218 và 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H nên chị V, anh T phải chịu án phí và một phần yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 227, 217, 218 và Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị H đối với chị Dương Thị V và anh Lê Thanh T.

Buộc chị Dương Thị V và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị H đối với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Đòi lại tài sản" của bà bà Trần Thị H đối với chị Dương Thị V và anh Lê Thanh T với số tiền 803.000.000 (tám trăm lẻ ba triệu) đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số tiền 20.250.000 đồng.

5. Án phí: Buộc chị Dương Thị V và anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 36.090.000 (ba mươi sáu triệu không trăm chín mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp 18.573.750 đồng theo biên lai thu số 0008480 ngày 13-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà H phải nộp thêm 17.516.250 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui